

Số: 51 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 4 năm 2020

## BÁO CÁO

### Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đối với huyện Tư Nghĩa năm 2019

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPDP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.

Theo đề nghị của UBND huyện Tư Nghĩa tại Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 24/02/2020 về việc đề nghị xét, công nhận huyện Tư Nghĩa đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 (thay Tờ trình số 279B/TTr-UBND ngày 09/10/2019).

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá của Đoàn thẩm tra tỉnh, Văn bản đánh giá xác nhận mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới của các sở ngành tỉnh; ý kiến góp ý của các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ, đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 đối với huyện Tư Nghĩa như sau:

#### A. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra: Từ ngày 06/6/2019.

## I. Về hồ sơ

UBND huyện Tư Nghĩa đã có:

- Tờ trình đề nghị thẩm tra, xét công nhận huyện đạt chuẩn năm 2019;
- Tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện;
- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện đến năm 2019;
- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới;
- Biên bản họp Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019;
- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện;
- Hình ảnh minh họa kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện.

## II. Kết quả thực hiện huyện nông thôn mới

### 1. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới

- Tổng số xã, thị trấn trên địa bàn huyện: 15
- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 13/13 xã, tỷ lệ 100%.

#### Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

##### a) Quy hoạch

13/13 xã trên địa bàn huyện đã hoàn thành quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, quy hoạch đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn và phù hợp với quy hoạch vùng huyện được duyệt.

Sau khi quy hoạch được phê duyệt các xã đã tổ chức công bố công khai, niêm yết bản đồ quy hoạch tại UBND xã, nhà văn hóa các thôn để nhân dân biết thực hiện. UBND huyện cũng ban hành quyết định quy định quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt đối với các xã.

##### b) Giao thông

Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được đầu tư cứng hóa 100%, trong đó đường được nhựa hóa, bê tông xi măng: 106,67 km/108,14 km, đạt 98,64% (quy định  $\geq 90\%$ ).

Đường thôn, trực thôn: số km đã thực hiện bê tông hóa 97,84/111,12km, đạt 88,05% (quy định  $\geq 70\%$ ), số km đường còn lại được cứng hóa bằng cấp phối, lu lèn, đi lại thuận tiện quanh năm.

Đường ngõ, xóm: 100% số km đường: đi lại thuận tiện, không lầy lội vào mùa mưa, số km được cứng hóa 205,29/271,95 km, đạt 75,49% (quy định  $\geq 70\%$ ).

Đường trực chính nội đồng được cứng hóa đi lại thuận tiện: 72,9/98,17

km, đạt 74,26% (quy định ≥ 70%).

c) *Thủy lợi*

Số km kênh mương loại III do xã quản lý được kiên cố hóa 137,8 /199,7 km, đạt 69% (quy định ≥ 55%).

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động 11.828,21/12.951 ha, đạt 91,33%. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp được tiêu chủ động 17.077,47/17.415,47 ha, đạt 98,06% (quy định ≥ 80%).

Hệ thống thuỷ lợi của tất cả các xã trên địa bàn huyện đã đáp ứng được yêu cầu sản xuất, dân sinh, đảm bảo phòng chống thiên tai và đáp ứng tốt yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

d) *Điện*

Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện có 158,7 km đường dây trung áp, 292,3 km đường dây hạ áp và 186 trạm biến áp, với tổng công suất 18.530KVA; Hệ thống lưới điện đạt chuẩn theo quy định; Số hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 100%.

d) *Trường học*

Có 48/50 trường trên địa bàn huyện có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia mức độ I, chiếm tỷ lệ 96%, trong đó: mầm non 15 trường, tiểu học 20 trường, trung học cơ sở 13 trường. Phần lớn các trường đều thực hiện trồng hoa, cây cảnh, cây xanh bóng mát tạo cảnh quan trường học xanh, sạch, đẹp, thoáng mát.

e) *Cơ sở vật chất văn hóa*

13/13 xã có nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng, sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của người dân; Có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

75/75 thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn theo quy định, tỉ lệ 100%; Mạng lưới nhà văn hóa - khu thể thao hoạt động thường xuyên, có hiệu quả và là nơi tổ chức hội họp của nhân dân, các đoàn thể, là nơi sinh hoạt của các câu lạc bộ văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn.

g) *Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn*

Từ nhiều nguồn khác nhau từ năm 2011 đến nay đã đầu tư mới và sửa chữa nâng cấp 08/13 chợ nông thôn, các hạng mục công trình của chợ đều được đầu tư xây dựng đúng yêu cầu kỹ thuật: kết cấu nhà chính, các lô, sạp, cấp thoát nước, thiết bị phòng cháy chữa cháy, nội quy hoạt động ... Ban quản lý chợ do UBND các xã thành lập, tổ chức quản lý điều hành các hoạt động tại chợ.

h) *Thông tin và Truyền thông*

13/13 xã đều có điểm phục vụ bưu chính viễn thông, có nối mạng Internet tốc độ cao và phủ sóng di động Vina, Viettel, Mobi ... đến các thôn xóm.

100% số xã trong huyện có Đài truyền thanh, 72/75 thôn có hệ thống loa,

cụm loa đài thôn, đạt tỷ lệ 96%, tăng 22,2% so với năm 2011.

100% UBND các xã đều có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, có hệ thống máy tính kết nối Internet, có hộp thư điện tử công vụ được UBND tỉnh cấp theo đúng quy định.

i) *Nhà ở dân cư*

Với việc thực hiện tốt chính sách nhà ở cho người nghèo, chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở cùng với việc thực hiện cuộc vận động xoá bỏ nhà tạm, nhà dột nát, đến nay trên địa bàn huyện không còn nhà tạm, nhà dột nát.

k) *Thu nhập*

Huyện đã tập trung thực hiện các giải pháp, huy động tối đa mọi nguồn lực để phát triển mọi lĩnh vực: nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ... đặc biệt khai thác mọi tiềm năng, lợi thế so sánh để phát triển các ngành kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng ngành Công nghiệp - Xây dựng, Thương mại - Dịch vụ. Hỗ trợ xây dựng nhiều mô hình phát triển sản xuất từ nguồn vốn xây dựng nông thôn mới, vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, nhờ vậy thu nhập bình quân tăng lên hàng năm, năm 2011 từ 11,5 triệu đồng/người/năm, đến năm 2019 đã đạt 39,4 triệu đồng/người/năm.

l) *Hộ nghèo*

UBND huyện đã quan tâm chỉ đạo quyết liệt trong công tác giảm nghèo, thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, hỗ trợ cho người nghèo phát triển sản xuất, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng; vận động quỹ vì người nghèo hỗ trợ hộ nghèo... Nhờ đó tỷ lệ hộ nghèo giảm liên tục qua các năm, năm 2011: tỷ lệ hộ nghèo chiếm 11,52% đến cuối năm 2019 còn 2,43% (theo chuẩn nghèo nông thôn mới).

m) *Lao động có việc làm*

Tổng số lao động trên địa bàn huyện là 102.236 người, trong đó lao động có việc làm thường xuyên 97.263 người, đạt 95,4%.

n) *Tổ chức sản xuất*

Trên địa bàn huyện có 28 hợp tác xã, trong đó có 25 hợp tác xã nông, lâm nghiệp, 01 hợp tác xã công nghiệp, 02 hợp tác xã tín dụng; tất cả các hợp tác xã đã thực hiện chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX năm 2012. Hoạt động dịch vụ chủ yếu của hợp tác xã: dịch vụ thủy lợi, sản xuất, cung ứng lúa giống, dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp, tín dụng nội bộ, đầu tư tài chính, khuyến nông, bảo vệ thực vật...

Doanh thu bình quân 520 triệu đồng/HTX/năm (lĩnh vực nông nghiệp khoảng 400 tr.đ/HTX/năm); lợi nhuận bình quân năm 2019: 59 triệu đồng/HTX (lĩnh vực nông nghiệp 39 tr.đ/HTX/năm).

Nhìn chung các hợp tác xã đều có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị với các doanh nghiệp như: Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ

Nông Tín, Trung tâm giống Quảng Ngãi, Công ty giống Thái Bình TBR, công ty TNHH Nam Thuận, công ty TNHH Hồng Vân ... sản phẩm sau thu hoạch được doanh nghiệp cam kết thu mua lại với giá cao hơn giá thị trường.

*o) Giáo dục và đào tạo*

Hàng năm, huyện được tỉnh kiểm tra, công nhận huyện đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm đạt tỷ lệ trên 99%; số học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục theo học các loại hình THPT, bồi túc THPT, trung cấp và học nghề đạt tỷ lệ 100%. Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THPT trên 90%;

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 47,04%.

*p) Y tế*

Mạng lưới y tế trên địa bàn huyện không ngừng được củng cố và phát triển; Trạm y tế của các xã đều được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo yêu cầu; chất lượng khám và chữa bệnh ngày được nâng cao, góp phần cùng huyện thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân.

Người dân tham gia bảo hiểm y tế: 117.321/130.519 người, tỷ lệ 89,7%.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ở các xã năm 2019: 10,5% (924/8.770 trẻ), giảm 12% so với năm 2011.

*q) Văn hóa*

Đến cuối năm 2019, tỷ lệ hộ đạt “Gia đình văn hóa” 88,74%; 13/13 xã được công nhận danh hiệu “Xã văn hóa nông thôn mới” và 75/75 thôn được công nhận danh hiệu “Thôn văn hóa”;

Phong trào xây dựng nếp sống văn hóa ngày càng được phát huy và phát triển sâu rộng. Hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền có nhiều đổi mới đa dạng về hình thức, nội dung, mang lại hiệu quả thiết thực. Chất lượng hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng tại các khu dân cư được đẩy mạnh phát triển và ngày càng đa dạng, thiết thực.

*r) Môi trường và An toàn thực phẩm*

Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh: 31.841/33.500 hộ, tỉ lệ 95,1%, trong đó hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn quốc gia: 20.102/33.500 hộ, đạt tỷ lệ 60%.

100% số cơ sở, hộ sản xuất kinh doanh, hoạt động làng nghề trên địa bàn huyện có cam kết và đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp;

Các địa phương luôn vận động nhân dân thực hiện dọn vệ sinh môi trường định kỳ, hiện tại có hơn 222 km đường hoa, cây xanh được người dân các xã trồng và chăm sóc góp phần tạo cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp.

Các xã đều có quy hoạch nghĩa trang và xây dựng quy chế quản lý, sử dụng nghĩa trang, quy hoạch nghĩa trang phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Việc mai táng phù hợp với phong tục tập quán và đảm bảo vệ sinh môi trường;

Hiện tại nhà máy xử lý rác thải Nghĩa Kỳ chưa hoạt động, rác thải trên địa bàn huyện phần lớn được tập kết, xử lý, chôn lấp tạm thời tại thôn An Tân, xã Nghĩa Thắng và thôn 2, xã Nghĩa Thọ. Đối với các xã khu vực dân cư có vườn nhà rộng, khuyến khích các hộ tự xử lý bằng hình thức đốt hoặc chôn lấp tại vườn nhà của hộ gia đình, đảm bảo quy định về vệ sinh môi trường.

Các xã đều thực hiện lắp đặt bì công bê tông trên đồng ruộng để thu gom chai lọ, vỏ thuốc bảo vệ thực vật;

Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 99,64% (33.380/33.500 hộ);

Các xã đều hỗ trợ hộ xây dựng hầm biogas để xử lý chất thải chăn nuôi, tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh đạt 77% (15.783 /20.525 hộ);

Trên địa bàn huyện có 471 cơ sở sản xuất trong lĩnh vực Y tế, 916 cơ sở trong lĩnh vực nông nghiệp, 312 cơ sở trong lĩnh vực công thương, 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

#### s) Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật

Cán bộ, công chức 13 xã: có 276 cán bộ, công chức (không tính Công an chính quy). Số cán bộ công chức có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên là 271 người, chiếm tỷ lệ 98,19%; số cán bộ công chức có trình độ chính trị từ trung cấp trở lên 229 người, chiếm tỷ lệ 82,97%; số cán bộ, công chức có chứng chỉ tin học 272 người, chiếm tỷ lệ 98,56%; số cán bộ, công chức có chứng chỉ ngoại ngữ 270 người, chiếm tỷ lệ 97,83%; số cán bộ, công chức có chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên 38 người, chiếm tỷ lệ 21,59%.

Các xã đều có đủ hệ thống chính trị xã hội, các tổ chức trong hệ thống chính trị luôn được quan tâm củng cố, kiện toàn đủ số lượng, đảm bảo chất lượng và hàng năm được đánh giá xếp loại khá trở lên.

13/13 xã có Đảng bộ “hoàn thành tốt nhiệm vụ”, 100% chính quyền xã được đánh giá, phân loại “Xuất sắc”; 100% các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã được các tổ chức đoàn thể cấp huyện xếp loại khá trở lên.

Theo hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật tại Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp, năm 2019, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện đã tổ chức họp đánh giá, phân loại các xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Kết quả phân loại bình xét năm 2019: có 13/13 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Các xã đều có nữ giới giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt hoặc đảm bảo tỉ lệ

nữ đảng ủy viên trong Ban chấp hành đảng bộ xã. Phụ nữ yếu thế được bảo vệ và tạo điều kiện vay vốn phát triển kinh tế. Thường xuyên tuyên truyền Luật hôn nhân gia đình, bình đẳng giới, không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.

#### *t) Quốc phòng và An ninh*

Các xã đều thực hiện xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng: Xây dựng Ban chỉ huy quân sự và dân quân xã đủ số lượng, đạt trình độ chuyên môn, có nơi làm việc và trang thiết bị theo quy định. Hàng năm dân quân được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự theo quy định; Các xã luôn hoàn thành tốt công tác tuyển quân, gọi công nhân nhập ngũ, thực hiện phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, chiến đấu phòng thủ cấp xã.

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn các xã thời gian qua được giữ vững ổn định, không có điểm nóng, không có trọng án xảy ra; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước; các xã không có khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật. Hàng năm, Đảng ủy các xã trên địa bàn huyện đều đã ban hành Nghị quyết, UBND các xã xây dựng Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự và tiến hành triển khai ký cam kết, đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” đến các hộ dân, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường trên địa bàn huyện.

## **2. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới**

### **a) Tiêu chí số 1: Quy hoạch**

#### **a1) Yêu cầu tiêu chí:**

Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và được công bố công khai; Có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

#### **a2) Kết quả thực hiện:**

Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tư Nghĩa được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 07/8/2019; Đồ án quy hoạch xây dựng vùng đảm bảo đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và yêu cầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020:

- Đã định hướng quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp phù hợp với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trong đó có quy hoạch sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có thế mạnh và lợi thế phát triển của huyện như: vùng sản xuất lúa giống, lúa hữu cơ chất lượng cao, vùng trồng rừng sản xuất, chăn nuôi tập trung...

- Mô hình phát triển kinh tế chính của huyện Tư Nghĩa là vùng phát triển kinh tế tổng hợp: công nghiệp chế biến, thương mại dịch vụ, du lịch văn hóa - sinh thái và nông - lâm - thủy sản. Phát triển kinh tế gắn với các tiềm năng chính trong vùng, đảm bảo giữ vững an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường.

- Đã định hướng trung tâm huyện gắn với phát triển đô thị, cụm công nghiệp, trung tâm dịch vụ thương mại và dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp, sản xuất hàng hóa lớn;

- Xác định các điểm dân cư nông thôn, bao gồm các điểm dân cư tập trung hiện hữu và phát triển các điểm dân cư mới;

- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với các ngành công nghiệp chủ đạo: sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến lương thực thực phẩm, dệt may, hàng tiêu dùng, phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng hiện đại, hiệu quả, chất lượng; phát triển các vùng nguyên liệu nông, lâm sản, chăn nuôi,... tạo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến công nghiệp; phát triển dịch vụ và du lịch (du lịch văn hóa, tâm linh, lịch sử, du lịch sinh thái...);

- Xác định hệ thống hạ tầng xã hội: giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thông tin truyền thông trên địa bàn huyện;

- Xác định hệ thống hạ tầng kỹ thuật cơ bản: giao thông, thủy lợi, cấp điện, cấp nước, bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện.

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 5600/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 quy định quản lý đồ án quy hoạch vùng huyện; đã thực hiện công bố, công khai bản đồ quy hoạch tại Hội trường UBND huyện, các địa điểm công cộng của huyện và trên cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh, huyện.

a3) Đánh giá chung tiêu chí: Đạt

**b) Tiêu chí số 2: Giao thông**

b1) Yêu cầu tiêu chí:

\* Đường bộ

- Có 100% km đường huyện đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng đạt 100%.

- Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

- Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

\* Đường thủy (nếu có): Đường thuỷ nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

\* Vận tải: Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) tối thiểu đạt loại 4; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

b2) Kết quả thực hiện:

- Đường huyện có 18 tuyến (ĐH.21, ĐH.22, ĐH.22B, ĐH.23, ĐH.23C,

ĐH.24, ĐH.24B, ĐH.24C, ĐH.25, ĐH.25B, ĐH.26, ĐH.26B, ĐH.26C, ĐH.27, ĐH.27B, ĐH.28, ĐH.30, ĐH.230B) với chiều dài 105,8 km, đã thực hiện nhựa hóa, bê tông hóa 100%, đảm bảo kết nối từ trung tâm huyện tới trung tâm hành chính tất cả các xã trên địa bàn và đi lại thuận tiện quanh năm;

- Cáp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đường cấp V, cấp VI theo TCVN 4054:2005, với bề rộng nền đường Bn = 6,5m - 7,5m (6,0m tại một số đoạn qua địa hình núi); bề rộng mặt đường Bm = 3,5m - 5,5m và phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đường huyện có 43 cầu, được xây dựng kiên cố, phù hợp với quy hoạch được duyệt, khổ cầu tối thiểu 3,5m, không còn cầu yếu, xuống cấp.

- 100% tuyến đường do huyện quản lý được bảo trì sửa chữa đúng định kỳ, phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân.

Huyện không có đường thủy nội địa. Hiện tại huyện chưa quy hoạch bến xe. Các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ đi qua địa bàn huyện, Sở Giao thông Vận tải đã bố trí các điểm dừng, đỗ xe buýt để đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân.

b3) Đánh giá chung: Đạt

c) **Tiêu chí số 3: Thủy lợi**

c1) Yêu cầu tiêu chí:

- Hệ thống thủy lợi liên xã được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt.

- Có tổ chức quản lý, khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả, bền vững.

c2) Kết quả thực hiện:

- Hệ thống thủy lợi liên xã, bao gồm kênh Chính Nam và các tuyến kênh cấp I, II (kênh N2, N2-8, N4, NVC16, NVC16-2, N8, N10, N10-12, N12, N16) và hồ chứa nước Hóc Xoài, xã Nghĩa Thọ; Đập Ba La, xã Nghĩa Thương; Đập Tân Quan, xã Nghĩa Hòa được đầu tư xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi của tỉnh.

- Hiện nay, toàn bộ hệ thống thủy lợi liên xã trên địa bàn huyện Tư Nghĩa đều do Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi (gọi tắt là Công ty) trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ theo quy định về phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh). Đây là Công ty nhà nước được UBND tỉnh Quảng Ngãi quyết định thành lập theo Quyết định số 1628/QĐ-UB ngày 10/6/1997 và chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên tại Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 29/02/2008.

- Công ty tổ chức quản lý khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, bảo đảm điều hoà phân phối nước, tiêu nước. Trên cơ sở diện tích, biện pháp tưới, tiêu được UBND tỉnh phê duyệt giai đoạn 2016 - 2020 và

điều chỉnh, bổ sung năm 2018, Công ty tổ chức thực hiện hoàn thành đúng kế hoạch (theo Hợp đồng đặt hàng trước, tiêu hang năm giữa Công ty với Sở Nông nghiệp và PTNT), bảo đảm điều hoà phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý;

- Công ty đã thực hiện công tác bảo vệ công trình thủy lợi bảo đảm công trình vận hành an toàn, hiệu quả.

c3) Đánh giá chung: Đạt

**d) Tiêu chí số 4: Điện**

d1) Yêu cầu tiêu chí:

Các công trình hệ thống điện trung thế liên xã đầu tư trên địa bàn huyện theo quy hoạch, đảm bảo cấp điện an toàn, đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng dẫn thực hiện của Bộ Công Thương.

d2) Kết quả thực hiện:

\* Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp:

Đường dây trung áp với tổng chiều dài 158,7km, đường dây hạ áp 292,3km, 186 trạm biến áp với tổng công suất 18.530 KVA, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và được đầu tư theo quy hoạch. 100% số công tơ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Số hộ sử dụng điện thường xuyên và an toàn trên địa bàn huyện đạt 100%.

Đường dây điện hạ áp đảm bảo đạt thông số kỹ thuật, an toàn điện theo Tiêu chí 4.1 tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 về Phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

Tần số, điện áp, cân bằng pha, công suất truyền tải, hệ thống bảo vệ đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống phân phối điện liên xã theo quy định tại Thông tư số 39/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương quy định về hệ thống lưới điện phân phối.

\* Hệ thống điện được đầu tư phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế xã hội của nhân dân giai đoạn 2016 - 2020.

\* 100% số xã, thị trấn trên địa bàn huyện đạt tiêu chí số 4 về Điện.

d3) Đánh giá chung: Đạt

**d) Tiêu chí số 5: Y tế, Văn hóa, Giáo dục**

d1) Yêu cầu tiêu chí:

- Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa, thể thao kết nối với các xã có hiệu quả.

- Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn ≥ 60%.

d2) Kết quả thực hiện:

- Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa được thành lập tại Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh trên cơ sở hợp nhất bệnh viện Đa khoa huyện và Trung tâm Y tế dự phòng huyện. Trung tâm Y tế huyện được xếp hạng III tại Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xếp hạng lại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tỉnh Quảng Ngãi.

- Trung tâm Truyền Thông - Văn hóa – Thể thao huyện Tư Nghĩa được thành lập tại Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Trung tâm Truyền Thông - Văn hóa – Thể thao huyện Tư Nghĩa, trên cơ sở sáp nhập Đài truyền thanh huyện và tiếp nhận nguyên hiện trạng cơ sở vật chất, biên chế sự nghiệp của Phòng Văn hóa Thông tin huyện; cơ cấu tổ chức gồm: 01 Giám đốc, 02 phó giám đốc, 5 Tô chuyên môn. Trung tâm có đầy đủ cơ sở vật chất đạt chuẩn như: Hội trường đa năng (350 chỗ ngồi), phòng chức năng, nhà tập luyện thể thao, sân khấu phục vụ luyện tập và biểu diễn văn nghệ, khu vui chơi giải trí...

Một số hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã hàng năm có hiệu quả như: Giải Đua thuyền truyền thống; Liên hoan Nghệ thuật quần chúng; Hội thi Văn nghệ, Thể thao các dân tộc thiểu số; Hội thi múa Lân; Liên hoan Giọng hát hay; Liên hoan thôn, tổ dân phố văn hóa tiêu biểu; Giải Bóng chuyền truyền thống; Giải Bóng đá truyền thống; Giải Cầu lông; Giải Cờ tướng. Tổ chức bình quân 12 giải thể thao/năm.

- Trên địa bàn huyện có 04 trường Trung học phổ thông: Số 1 Tư Nghĩa; Số 2 Tư Nghĩa, Thu Xà và Chu Văn An. Hiện đã có 03 trường được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia: Trường Trung học phổ thông số 1 Tư Nghĩa (Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 01/11/2018); Trường Trung học phổ thông số 2 Tư Nghĩa (Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 13/9/2017); Trường Trung học phổ thông Thu Xà (Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 23/7/2019), đạt tỷ lệ 75%.

đ3) Đánh giá chung: Đạt

e) **Tiêu chí số 6: Sản xuất**

e1) Yêu cầu tiêu chí:

- Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện.

- Có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thực hiện tiêu thụ ít nhất 10% sản lượng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch.

e2) Kết quả thực hiện:

- Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện: Về trồng trọt: diện tích lúa năm 2019 là 7.850 ha, sản lượng đạt 51.418 tấn, diện tích cây ăn quả khoảng hơn 55 ha với các loại cây ăn quả chính như: bưởi da xanh; quýt đường; dừa dứa, dừa xiêm.... Về chăn nuôi năm 2019: tổng đàn heo khoảng 57.600 con, sản lượng heo hơi xuất chuồng đạt khoảng 6.050 tấn; đàn bò là 26.300 con,

đàn trâu là 5.100 con.

Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao QNAsafe đầu tư thực hiện dự án rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGap tại xã Nghĩa Hiệp với quy mô 05 ha. Sản lượng bình quân 300-400 kg/ngày.

Về phát triển kinh tế trang trại: Hiện nay trên địa bàn huyện có 405 gia trại và 20 trang trại các loại (06 trang trại trồng trọt, 12 trang trại chăn nuôi và 02 trang trại tổng hợp); có 07 trang trại đã cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại theo Thông tư 27/2011/TT-BNNPTNT.

- Về liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm

Về chăn nuôi: Có 06 trang trại chăn nuôi heo có hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm được ký kết giữa trại chăn nuôi với các Tập đoàn, Doanh nghiệp lớn như Cty cổ phần Chăn nuôi Thái Việt, Tập đoàn Chăn nuôi CP Việt Nam, Cty cổ phần chăn nuôi Mavin... theo đó, các tập đoàn, doanh nghiệp cung cấp đầu vào gồm giống, vật tư và quy trình chăn nuôi tiên tiến, sau cùng là bao tiêu sản phẩm đầu ra cho trang trại. Hợp đồng ổn định quay vòng trong thời gian từ 03 - 05 năm. Trong chăn nuôi đã cơ bản chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi hàng hóa quy mô tập trung đảm bảo an toàn dịch bệnh, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt từng bước được áp dụng trong chăn nuôi. Công tác thú y kiểm dịch được tăng cường, phát hiện và phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm kịp thời.

Tuy nhiên, năm 2019 dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xảy ra trên toàn quốc nên nhiều cơ sở chăn nuôi tập trung chưa tái đàn, hiện tại còn 284 cơ sở chăn nuôi tập trung, giảm 45% so với năm 2018, trong đó trang trại chăn nuôi tập trung gồm 12 trang trại nuôi lợn với quy mô từ 1.000 con - 4.000 con/năm; 03 trang trại nuôi gà với quy mô 6.000 con - 60.000 con/năm.

Về trồng trọt: hiện nay trên địa bàn huyện đã liên kết sản xuất lúa giống, trồng cây ăn quả với các doanh nghiệp, cụ thể:

+ Liên kết hợp tác sản xuất lúa giống: Hiện nay trên địa bàn huyện có 09 Hợp tác xã nông nghiệp là tổ chức đại diện cho nông dân liên kết sản xuất lúa giống với các Doanh nghiệp (Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín, Công ty TNHH Nông lâm nghiệp TBT, Trung tâm giống tỉnh) tổng diện tích liên kết 249 ha. Hợp đồng liên kết được ký kết giữa Hợp tác xã với doanh nghiệp, sản phẩm sau khi thu hoạch được doanh nghiệp bao tiêu, người dân tham gia được lợi hơn so với sản xuất lúa thường.

+ Liên kết hợp tác sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm cây ăn quả, cụ thể: Liên kết với Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín trồng và tiêu thụ sản phẩm cây bưởi da xanh (34,5 ha), quýt đường (3 ha) và dừa xiêm, dừa dứa (6 ha) tại các xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Thuận, Nghĩa Điền và Nghĩa Mỹ.

e3) Đánh giá chung: Đạt

g) *Tiêu chí số 7: Môi trường*

g1) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu

chuẩn theo quy định;

- Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

g2) Kết quả thực hiện:

- Về hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện:

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 25/6/2019 về Quản lý chất thải rắn trên địa bàn huyện Tư Nghĩa nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường,

+ *Đối với chất thải rắn sinh hoạt*: Trước năm 2016, khối lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện do Công ty Cổ phần môi trường đô thị Quảng Ngãi thu gom, xử lý tại bãi rác xã Nghĩa Kỳ cho 13/15 xã, thị trấn với tổng khối lượng thu gom khoảng 18.000 tấn/năm. Từ năm 2016 đến tháng 7/2018 Công ty Cổ phần Điện Tư Nghĩa thu gom, vận chuyển về tại bãi rác xã Nghĩa Kỳ để xử lý cho 15/15 xã, thị trấn với tổng khối lượng xử lý khoảng 23.000 tấn/năm;

Từ tháng 8/2018 bãi rác Nghĩa Kỳ đã chôn lấp đầy, không tiếp nhận, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng miền Bắc đang trong giai đoạn xây dựng Nhà máy xử lý, chưa thu gom và xử lý, do vậy trong thời gian này lượng rác thải trên địa bàn huyện chỉ thu gom khu vực thị trấn La Hà và tập kết tạm thời tại đồi La Hà, đối với các xã, thị trấn còn lại, UBND huyện chỉ đạo tuyên truyền vận động nhân dân tự xử lý rác thải bằng hình thức đốt hoặc chôn lấp. Đầu năm 2019 đến nay, rác thải được tập kết, xử lý tại bãi chôn lấp tạm thời ở thôn An Tân, xã Nghĩa Thắng và thôn 2, xã Nghĩa Thọ. Đối với các hộ còn lại chưa tổ chức thu gom, chủ yếu là các hộ dân có vườn rộng và ở trong các ngõ hẽm, các hộ này tự phân loại, xử lý bằng hình thức đốt hoặc chôn lấp tại hố/bể thu gom của hộ gia đình, đảm bảo quy định về vệ sinh môi trường.

+ *Đối với chất thải rắn nguy hại công nghiệp*: Tại Cụm công nghiệp La Hà có 16 cơ sở đang hoạt động, trong đó có một số cơ sở có phát sinh chất thải nguy hại nhưng với khối lượng ít, không đáng kể và hàng năm các cơ sở này đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần LILAMA thu gom, vận chuyển và xử lý.

+ *Đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng*: Các xã, thị trấn đã đặt bể cống chứa ngoài đồng để người dân thu gom tập kết và vận chuyển đi xử lý ở các địa điểm phù hợp. Ngoài ra UBND huyện cũng chỉ đạo các xã, thị trấn lồng ghép nội dung thu gom, xử lý bao bì thuốc BVTV vào hương ước, quy ước của địa phương, đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng thuốc BVTV đúng quy cách, liều lượng.

+ *Đối với chất thải y tế*: Trên địa bàn huyện có 01 Trung tâm y tế; 15 Trạm y tế xã, thị trấn và 09 cơ sở khám chữa bệnh. Các cơ sở này thực hiện đúng việc phân loại chất thải rắn y tế thông thường và nguy hại theo quy định

tại Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT. Đối với chất thải rắn y tế nguy hại tại các trạm y tế được Trung tâm y tế huyện hợp đồng với Công ty Cổ phần LILAMA thu gom, vận chuyển, xử lý (khối lượng khoảng 1.900kg/năm, tại Hợp đồng số 027/2018/HĐKT/ SBU3 ngày 03/01/2018).

- Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực – thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

+ Hồ sơ, thủ tục về môi trường: Cụm công nghiệp (CCN) La Hà được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết giai đoạn I Phân xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Quyết định số 297/QĐ-STNMT ngày 18/12/2013 và 16 doanh nghiệp đang hoạt động tại CCN đã được phê duyệt, xác nhận hồ sơ môi trường (01 cơ sở xác nhận báo cáo Đánh giá tác động môi trường, 01 cơ sở xác nhận Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết, 01 cơ sở xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường, 13 cơ sở xác nhận cam kết bảo vệ môi trường. Đối với cơ sở hoạt động bên ngoài CCN, các đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường: các dự án, công trình, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, khu dân cư, cơ sở chăn nuôi có quy mô đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, cam kết bảo vệ môi trường theo quy định.

Đối với các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh hoạt động trước ngày 01/4/2015 nhưng chưa được phê duyệt, xác nhận hồ sơ môi trường: Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức kiểm tra thực tế và hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và hướng dẫn cơ sở làm hồ sơ môi trường khi có văn bản hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Về lập sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại: Hiện nay các dự án trên địa bàn huyện thuộc đối tượng cấp *Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường* đang hoàn thiện các thủ tục trình cấp thẩm quyền để được cấp giấy. Các cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận hồ sơ môi trường đã thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý, thu hồi, tái chế chất thải đúng quy định. Các nội dung cơ sở thực hiện đúng với nội dung cam kết đã được phê duyệt, xác nhận.

+ Về cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản

Xây dựng hạ tầng vùng nuôi tôm tập trung xã Nghĩa Hòa là một trong các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 Phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 – 2020 và định hướng đến năm 2030. Hiện nay, trên địa bàn huyện có khoảng 300 hộ nuôi trồng thủy sản nước ngọt và nước lợ với tổng diện tích 42.015 m<sup>2</sup>. Hình thức nuôi với quy mô nhỏ (< 5.000 m<sup>2</sup>), không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường theo quy định, tuy nhiên trong quá trình hoạt động các hộ dân đã tuân thủ và chấp hành nghiêm các quy định về vấn đề bảo vệ môi trường tại

địa phương như: Không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản; tuân thủ đầy đủ theo quy định đảm bảo vệ sinh môi trường.

Trên địa bàn huyện hiện tại không có Khu công nghiệp; cơ sở chăn nuôi, khu chăn nuôi tập trung trong khu công nghiệp, chưa có làng nghề được công nhận.

g3) Đánh giá chung: Đạt

**h) Tiêu chí số 8: An ninh, trật tự xã hội**

h1) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hàng năm, Huyện ủy có Nghị quyết, Ủy ban nhân dân huyện có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; Chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

- Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

- Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm liền kề trước đó.

- Lực lượng vũ trang huyện (Công an, Bộ đội địa phương; Dân quân tự vệ) hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

h2) Kết quả thực hiện:

- Hàng năm Huyện ủy ban hành các nghị quyết, UBND huyện, Công an huyện đều xây dựng kế hoạch về công tác an ninh trật tự để chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc: Chỉ thị của Huyện ủy Tư Nghĩa về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự; Kế hoạch của UBND huyện về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; Phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ. Kế hoạch của Công an huyện Tư Nghĩa về việc bảo đảm an ninh trật tự phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện...

- Không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

- Trong năm 2019, đã chỉ đạo giải quyết đạt chất lượng, hiệu quả các vụ án, vụ việc vi phạm pháp luật xảy ra trên địa bàn, đảm bảo tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương, trên địa bàn huyện không có tụ điểm phức tạp về an ninh trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiềm chế, giảm so với các năm trước.

- Lực lượng vũ trang huyện (Công an, Bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ) luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương và hàng năm được cấp trên khen thưởng.

Ban Chỉ huy quân sự huyện hoàn thành xuất sắc phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương, góp phần xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh; Đảng bộ quân sự được Huyện ủy Tư Nghĩa công nhận “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” và được Chủ tịch UBND tỉnh tặng

Bằng khen trong phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.

h3) Đánh giá chung: Đạt

i) **Tiêu chí số 9: Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới**

i1) Yêu cầu tiêu chí

- Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định.

- Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện (gọi tắt là Văn phòng nông thôn mới huyện) được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

i2) Kết quả thực hiện

- Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định, cụ thể:

Có Quyết định thành lập, kiện toàn tổ chức Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện của cấp có thẩm quyền.

Có Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia huyện.

Chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định.

Chỉ đạo việc ban hành cơ chế hỗ trợ thúc đẩy các xã xây dựng nông thôn mới và chỉ đạo thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch để xử lý tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của cấp trên; không huy động quá khả năng đóng góp tự nguyện của dân trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

Chỉ đạo các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới và tiến tới xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện (Văn phòng nông thôn mới huyện) được tổ chức và hoạt động đúng quy định, cụ thể:

Có Quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Văn phòng nông thôn mới huyện;

Có Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên của Văn phòng nông thôn mới huyện;

Văn phòng nông thôn mới đảm bảo thực hiện hoàn thành đúng, đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp:

+ Vị trí chức năng: Văn phòng nông thôn mới huyện do phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện làm cơ quan thường trực, thực hiện chức năng giúp Ban chỉ đạo huyện quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

+ Nhiệm vụ, quyền hạn: Giúp Ban chỉ đạo huyện xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện; Tham mưu xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện; Tham mưu xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ và giám sát tình hình thực hiện vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động khác. Theo dõi, tổng hợp báo cáo, chuẩn bị nội dung, chương trình cho các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Ban Chỉ đạo huyện và các báo cáo theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo. Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng công tác xây dựng nông thôn mới cho cán bộ ở các cơ quan có liên quan trên địa bàn huyện, Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, Ban Phát triển thôn; Đề xuất khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào “Chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn huyện. Tham mưu cho UBND huyện tổ chức thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; Lập nhu cầu kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo huyện, Văn phòng nông thôn mới huyện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện. Bảo quản hồ sơ, tài liệu của Ban Chỉ đạo huyện; Quản lý kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị của Văn phòng nông thôn mới huyện theo quy định của pháp luật; thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tịch UBND huyện, Trưởng ban Chỉ đạo huyện.

+ Tổ chức bộ máy và biên chế: Chánh Văn phòng nông thôn mới do Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên kiêm nhiệm; Phó Chánh Văn phòng nông thôn mới do Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện đảm nhận; 02 biên chế chuyên trách và công chức các phòng, ban liên quan của huyện làm nhiệm vụ kiêm nhiệm.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

i3) Đánh giá chung: Đạt

#### **IV. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản**

Theo Công văn 8932/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tiêu chí xác định nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, UBND huyện Tu Nghĩa đã kiểm tra, rà soát và xác định đến nay các dự án đầu tư thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện không còn nợ đọng.

#### **B. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ:** Đảm bảo yêu cầu theo quy định.

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới**

Đoàn thẩm tra của tỉnh đã xem xét, đánh giá và thống nhất công nhận

huyện Tư Nghĩa đạt: 9/9 tiêu chí.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

### C. ĐỀ NGHỊ

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới) tổ chức xem xét thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2019.

(Báo cáo này thay cho Báo cáo số 226/BC-UBND ngày 13/11/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)./.

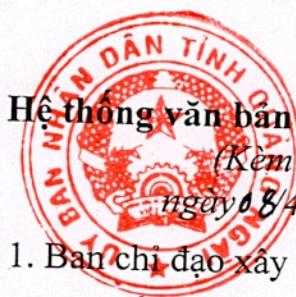
#### Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh,
- Ban TT UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(NN), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNtv73.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bình



## Phụ lục 01

### Hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành xây dựng nông thôn mới (Kèm theo Báo cáo số 51 /BC-UBND ngày 6/4/2020 của UBND tỉnh Quang Ngãi)

#### 1. Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Tuy Nghia

Có Quyết định thành lập, kiện toàn tổ chức Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện của cấp có thẩm quyền:

- Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 17/9/2010 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Nghia về việc thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

- Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 11/7/2011 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Nghia về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

- Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của Chủ tịch UBND huyện về việc kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM huyện Tuy Nghia, giai đoạn 2010-2020;

- Quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình MTQGXDNM huyện Tuy Nghia, giai đoạn 2010-2020;

- Quyết định số 3895/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình MTQGXDNM huyện Tuy Nghia, giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của UBND huyện Tuy Nghia kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020;

- Quyết định số 2439/QĐ-BCĐXDNTM ngày 02/5/2019 của Trưởng Ban chỉ đạo về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Tuy Nghia, giai đoạn 2016 – 2020;

Có Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- Quyết định số 06/QĐ-BCĐXDNTM ngày 10/8/2011 của Trưởng Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM huyện Tuy Nghia về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM huyện Tuy Nghia, giai đoạn 2010-2020;

- Quyết định số 05/QĐ-BCĐXDNTM ngày 10/8/2011 của Trưởng Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM huyện Tuy Nghia về việc phân công

nhiệm vụ, địa bàn phụ trách cho các thành viên Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM huyện Tư Nghĩa, giai đoạn 2010-2020;

- Quyết định số 03/QĐ-BCĐXDNTM ngày 16/8/2013 của Trưởng Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM về việc phân công nhiệm vụ, địa bàn phụ trách cho các thành viên Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM huyện Tư Nghĩa, giai đoạn 2010-2020;

- Quyết định số 14/QĐ-BCĐXDNTM ngày 11/12/2014 của Trưởng Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM về việc phân công nhiệm vụ, địa bàn phụ trách cho các thành viên Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM huyện Tư Nghĩa, giai đoạn 2010-2020;

- Quyết định số 11/QĐ-BCĐXDNTM ngày 09/8/2016 của Trưởng Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM về việc phân công nhiệm vụ, địa bàn cho các thành viên Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM huyện Tư Nghĩa, giai đoạn 2010-2020;

- Quyết định số 02/QĐ-BCĐXDNTM ngày 04/10/2017 của Trưởng Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM về việc phân công nhiệm vụ, địa bàn phụ trách cho các thành viên Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM huyện Tư Nghĩa, giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 06/QĐ-BCĐXDNTM ngày 23/10/2018 của Trưởng Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM về việc phân công nhiệm vụ, địa bàn phụ trách cho các thành viên Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM huyện Tư Nghĩa, giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 09/QĐ-BCĐXDNTM ngày 02/5/2019 của Trưởng Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM về việc phân công nhiệm vụ, địa bàn phụ trách cho các thành viên Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XD NTM huyện Tư Nghĩa, giai đoạn 2016 - 2020;

*Chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên phạm vi địa bàn huyện đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định:*

- Công văn số 05/BCĐ ngày 21/5/2014 của BCĐ CTMTQG XD NTM huyện về việc công bố quy hoạch và phát động phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới;

- Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 11/11/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc Thực hiện CTMTQG XD NTM huyện Tư Nghĩa giai đoạn 2016-2020, để huyện Tư Nghĩa đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2020;

- Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 22/12/2015 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc Thực hiện CTMTQG XD NTM huyện Tư Nghĩa năm 2016;

- Kế hoạch số 496/KH-UBND ngày 02/02/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt Kế hoạch CTMTQG XD NTM huyện Tư Nghĩa giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 28/11/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc tổ chức hiện phong trào thi đua "Tư Nghĩa chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020";

- Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 21/11/2018 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc trồng hoa hai bên lề đường, đường tỉnh, huyện, xã, thôn, xóm tạo cảnh quan môi trường nông thôn xanh, sạch, đẹp;

- Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 30/1/2018 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt Kế hoạch CTMTQG XD NTM năm 2018;

*Chỉ đạo việc ban hành cơ chế hỗ trợ thúc đẩy các xã xây dựng nông thôn mới và chỉ đạo thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương:*

- Nghị Quyết số 04-NQ/HU ngày 30/9/2016 của Huyện ủy Tư Nghĩa về việc huy động và sử dụng các nguồn lực đầu tư để xây dựng huyện Tư Nghĩa đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2020;

- Chỉ Thị số 27-NQ/HU ngày 9/10/2017 của Huyện ủy Tư Nghĩa về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo CTMTQG XD NTM trên địa bàn huyện Tư Nghĩa;

- Chỉ Thị số 33-CT/HU ngày 124 tháng 7 năm 2018 của Huyện ủy Tư Nghĩa về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng tập trung xây dựng hoàn thành, giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn huyện;

- Chỉ Thị số 35-CT/HU ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Huyện ủy Tư Nghĩa về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng tập trung xây dựng Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu và trồng hoa trên các tuyến đường.

*Chỉ đạo không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản và không huy động quá khả năng đóng góp tự nguyện của dân trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện:*

- Công văn số 05b/BCĐ ngày 19/6/2018 của BCĐ CT MTQG XD NTM huyện Tư Nghĩa về việc không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản và không huy động quá khả năng đóng góp tự nguyện của dân trong xây dựng nông thôn mới;

*Chỉ đạo các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới:*

- Chỉ Thị số 33-CT/HU ngày 124 tháng 7 năm 2018 của Huyện ủy Tư Nghĩa về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng tập trung xây dựng

hoàn thành, giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn huyện.

## 2. Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện

*Có Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Văn phòng nông thôn mới huyện của cấp có thẩm quyền:*

Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 02/7/2015 của Chủ tịch UBND huyện về việc thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới huyện Tư Nghĩa.

*Có Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên của Văn phòng nông thôn mới huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt:*

Quyết định số 38/QĐ-VPĐP ngày 08/8/2016 của Chánh Văn phòng nông thôn mới huyện Tư Nghĩa về việc ban hành Quy chế hoạt động của Văn phòng nông thôn mới huyện Tư Nghĩa.

*Đảm bảo thực hiện hoàn thành đúng, đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp:*

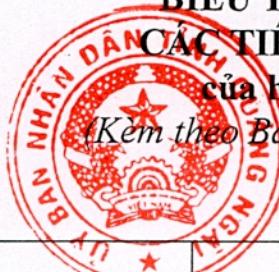
Báo cáo số 12/BC-VPNTM ngày 02/5/2019 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện Tư Nghĩa về kết quả thực hiện Quyết định số 1920/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Phụ lục 02:

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA  
CÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

của huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Báo cáo số: 51 /BC-UBND ngày 08/4/2020  
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
1	<b>Quy hoạch</b>	Có quy hoạch trên địa bàn huyện được phê duyệt	Đạt	Đạt	Đạt
2	<b>Giao thông</b>	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã	Đạt	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	100%	100%
3	<b>Thủy lợi</b>	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
4	<b>Điện</b>	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Đạt	Đạt
5	<b>Y tế, Văn hóa, Giáo dục</b>	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia	Đạt	Đạt	Đạt
		5.2. Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã có hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	≥ 60%	75%	75%
6	<b>Sản xuất</b>	Hình thành vùng sản xuất nông	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
		nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện			
7	<b>Môi trường</b>	7.1. Hệ thống thu gom xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%
8	<b>An ninh, trật tự xã hội</b>	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội	Đạt	Đạt	Đạt
9	<b>Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới</b>	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt	Đạt	Đạt